

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/DS-ST
Ngày: 10-8-2018
Về việc “Tranh chấp hợp đồng
góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Hào.
2. Ông Trần Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXX-ST ngày 25 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 212, đường Cách Mạng Tháng 8, Khu phố M, thị trấn V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

Bà Võ Thị L, sinh năm 1968;

Ông Huỳnh Văn Gi, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Số 38, đường Phạm Văn Bạch, Khu phố B, thị trấn V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Bà Nh có mặt, bà L, ông Gi vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về yêu cầu và ý kiến của các đương sự:

Nguyên đơn bà Nh: Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2018 và cho đến phiên tòa bà vẫn giữ yêu cầu buộc bà L và ông Gi liên đới trả số tiền hụi bà đã đóng thay 7 tháng là 21.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Các bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy báo, quyết định nhưng không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến cũng như lời trình bày.

Về các tình tiết cụ thể của vụ án được bà Nh trình bày như sau: Vào năm 2017 bà L và ông Gi có tham gia chơi hụi do bà làm chủ hụi. Hụi này mở ngày 19/4/2017 (âm lịch) là ngày 14/5/2017 (dương lịch), có tổng cộng 24 phân, mỗi tháng mở hụi 01 lần, bà L tham gia chơi 01 phân. Ngày 19/5/2017 (âm lịch) bà L bỏ hụi cao nhất nên được hốt hụi với số tiền là 53.600.000 đồng, bà L trả tiền hoa hồng cho bà là 1.500.000 đồng, bà L có viết giấy nhận hụi và xác nhận còn phải đóng 22 lần hụi chết cho các thành viên khác. Sau đó, bà L đóng được 02 lần thì đến tháng 7/2017 (âm lịch) bà L không đóng cho bà nữa, bà đã nhiều lần nhắc bà L nhưng bà L cũng không thực hiện. Hàng tháng bà vẫn mở hụi và phải đóng thay cho bà L số tiền 3.000.000 đồng/tháng, từ tháng 7/2017 (âm lịch) đến ngày khởi kiện thì bà đã đóng thay cho bà L 07 lần hụi là 21.000.000 đồng. Khi tham gia chơi hụi và hốt hụi thì bà L nói để sử dụng trong gia đình nên bà yêu cầu ông Gi là chồng bà L phải có trách nhiệm cùng trả số tiền nêu trên.

Tại phiên tòa bà Nh xác định việc chơi hụi chỉ có mình bà L tham gia, khi ghi danh sách hụi thì ghi tên Chín Gi, việc hốt hụi cũng chỉ có bà L hốt và ký tên về sau bà có thông báo với ông Gi nhưng ông Gi kêu bà đi đòi bà L; Những người tham gia chơi chung dây hụi với bà L mà bà đã đóng dùm đều có ký xác nhận với bà là đã hốt hụi đầy đủ.

Về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các giấy ghi danh sách hụi, bản chính giấy viết tay có nội dung bà L có hốt hụi và còn nợ lại 22 lần đóng hụi chết có chữ ký và ghi tên họ Võ Thị L; chứng minh nhân dân, giấy xác nhận cư trú. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục công khai chứng cứ và lập biên bản về việc không hòa giải được. Ngoài ra Tòa án còn thu thập thông tin từ UBND thị trấn V về tình trạng hôn nhân của ông Gi và bà L, xác minh về việc có dây hụi như bà Nh trình bày không và bà Nh có giao hụi đầy đủ cho những người trúng hụi như bà Nh trình bày không.

Về ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện bà L có chơi hụi với bà Nh và đã hốt hụi nên yêu cầu của bà Nh đối với bà L là có căn cứ. Việc chơi hụi và hốt hụi chỉ có một mình bà L thực hiện, trong hồ sơ không có tài liệu chứng cứ thể hiện về việc bà L hốt hụi là nhằm mục đích sinh hoạt chung của gia đình nên không có căn cứ buộc ông Gi phải liên đới trả tiền cùng bà L.

Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471

Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Điều 27, Điều 45 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Nh buộc bà L trả 21.000.000 đồng tiền hụi chưa đóng đến tháng 02/2018. Không chấp nhận yêu cầu ông Gi liên đới cùng bà L trả tiền hụi cho bà Nh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà L có tham gia chơi hụi tháng do bà Nh làm chủ hụi, quá trình tham gia chơi hụi bà Nh cho rằng bà L đã lãnh hụi nhưng không thực hiện nghĩa vụ góp hụi lại cho các thành viên khác nên bà Nh phải thực hiện thay, tổng cộng đến ngày khởi kiện bà đóng thay bà L 07 lần nhưng bà L không hoàn lại cho bà nên bà khởi kiện, vì vậy Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi; Mặt khác bị đơn bà L, ông Gi có nơi cư trú tại khu phố B, thị trấn V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà L, ông Gi đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về đánh giá chứng cứ: Bà L và ông Gi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án hoặc có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nh và cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để thể hiện việc phản bác hay chấp nhận đối với yêu cầu của bà Nh. Vì vậy, theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do bà Nh giao nộp và chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

- Xét giấy có nội dung ghi: “Tôi Võ Thị L có hốt hụi 3.000.000 đồng khai ngày 19 tháng 4- 2017 Al. Tổng 24 phần hốt còn đóng lại 22 phần hốt ngày 19 tháng 5 - 2017”, ở cuối tờ giấy có chữ ký và ghi tên Võ Thị L (sau đây gọi tắt là giấy ghi hốt hụi): Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ ngày 25/5/2018 và tổng đạt kết quả cho bà L, ông Gi nhưng các ông bà vẫn không có ý kiến phản bác đối với các nội dung nêu trong giấy nên căn cứ vào quy định tại Điều 92, 93 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh, giấy ghi hốt hụi nêu trên sẽ được đánh giá là chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của bà Nh là có căn cứ và hợp pháp.

- Xét về số lần bà L phải góp hụi cho các thành viên khác: Tính từ ngày bà L lập giấy xác định số lần nợ hụi phải góp đến ngày 19/3/2018 (19/02/2018 âm lịch) là 09 lần mở hụi nhưng bà Nh xác định bà L đã góp hai lần hụi nên còn lại 07 lần hụi bà L phải góp là phù hợp với thực tế khách quan; Bà L không có ý kiến phản bác trước yêu cầu của bà Nh và cũng không đưa ra tài liệu chứng cứ về việc

có góp hụi cho bà Nh từ tháng 9/2017 (là tháng 8/2017 âm lịch) đến tháng 3/2018 (là tháng 02/2018 âm lịch); Đồng thời, những người tham gia chơi hụi đều xác định từ tháng 9/2017 đến tháng 3/2018 bà Nh đã giao hụi đầy đủ cho các thành viên trúng hụi nên có căn cứ cho rằng bà Nh đã góp hụi thay cho bà L.

- Xét yêu cầu của bà Nh về việc buộc ông Gi phải liên đới cùng bà L thực hiện việc trả 07 lần góp hụi nêu trên: Bà L và ông Gi là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn từ năm 2000 và được UBND thị trấn V cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/12/2000 nhưng bà Nh xác định tại phiên tòa là việc chơi hụi và giao hụi chỉ có bà L tham gia và bà Nh cũng không đưa ra tài liệu chứng cứ để chứng minh về việc bà L sử dụng số tiền trên phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên căn cứ vào Điều 27, Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình không có cơ sở buộc ông Gi phải liên đới với bà L thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Nh.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nh về việc buộc bà L phải hoàn trả số tiền góp hụi mà bà Nh đã đóng thay trong 07 tháng, từ tháng 9/2017 đến tháng 3/2018 là 21.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà L phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 45 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Nh.

Buộc bà Võ Thị L phải trả số tiền góp hụi còn nợ là 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Nh về việc buộc ông Huỳnh Văn Gi phải liên đới với bà L trả tiền hụi còn nợ.

Trường hợp bà L chậm trả tiền cho bà Nh thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Võ Thị L phải chịu 1.050.000 (một triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn lại cho bà Nh 525.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 18/4/2018 theo biên lai thu tiền số 0004765.

Báo cho bà Nh biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Gi, bà L vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Liễu